

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU -
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (gọi tắt là "Tổng Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Phong	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Linh	Thành viên
Ông Trần Đình Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên
Ông Tayfun Uner	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Linh	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Hồ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hồng Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Số: 962 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015, từ trang 04 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán độc lập ngày 25 tháng 3 năm 2014 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc chưa ghi nhận phần lợi thế từ vị trí địa lý của địa điểm số 183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội như một phần của lợi thế kinh doanh.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Anh Sơn
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1961-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100			4.135.820.081.464	3.077.322.952.647
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5		2.535.872.468.182	1.703.053.804.589
1. Tiền	111			823.373.051.846	440.068.772.179
2. Các khoản tương đương tiền	112			1.712.499.416.336	1.262.985.032.410
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			439.803.221.011	184.616.486.368
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6		439.803.221.011	184.616.486.368
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			327.317.268.712	333.621.576.431
1. Phải thu khách hàng	131			236.333.324.822	110.068.104.351
2. Trả trước cho người bán	132			44.257.956.516	105.731.937.357
3. Các khoản phải thu khác	135	7		51.592.584.962	120.706.084.338
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			(4.866.597.588)	(2.884.549.615)
IV. Hàng tồn kho	140	8		803.348.462.670	814.546.897.907
1. Hàng tồn kho	141			803.348.462.670	815.206.004.657
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-	(659.106.750)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			29.478.660.889	41.484.187.352
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			11.015.912.099	23.732.157.577
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			6.195.148.593	10.569.950.159
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9		3.789.061.208	2.929.108.075
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			8.478.538.989	4.252.971.541
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200			5.173.911.346.691	4.971.461.654.747
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			286.300.000	172.400.000
1. Phải thu dài hạn khác	218			286.300.000	172.400.000
II. Tài sản cố định	220			4.581.529.773.422	4.234.690.654.742
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10		4.200.225.163.973	4.026.521.742.450
- Nguyên giá	222			8.276.876.849.731	7.467.841.258.306
- Giá trị hao mòn lũy kế	223			(4.076.651.685.758)	(3.441.319.515.856)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11		50.399.133.892	23.208.651.937
- Nguyên giá	228			82.581.509.481	50.830.287.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			(32.182.375.589)	(27.621.635.634)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12		330.905.475.557	184.960.260.355
III. Bất động sản đầu tư	240	13		28.689.392.516	19.833.041.382
- Nguyên giá	241			34.444.191.502	23.259.481.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			(5.754.798.986)	(3.426.440.082)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			288.632.030.048	414.347.500.681
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15		237.968.862.853	329.987.642.186
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16		52.416.900.383	87.016.900.383
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17		(1.753.733.188)	(2.657.041.888)
V. Tài sản dài hạn khác	260			274.773.850.705	302.418.057.942
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18		256.701.362.265	287.992.593.642
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19		18.072.488.440	14.425.464.300
C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269	20		22.924.222.103	18.799.083.511
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)	270			9.332.655.650.258	8.067.583.690.905

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.110.646.747.857	2.651.231.948.685
I. Nợ ngắn hạn	310		2.096.913.267.539	1.656.888.271.819
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	21	630.190.043.191	448.653.464.429
2. Phải trả người bán	312		488.396.303.227	350.575.922.731
3. Người mua trả tiền trước	313		10.957.583.866	17.691.819.031
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	520.933.329.463	527.351.556.494
5. Phải trả người lao động	315		110.411.944.684	93.890.583.332
6. Chi phí phải trả	316	23	123.407.786.634	40.978.766.495
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	24	156.296.577.030	112.430.200.116
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		5.200.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		51.119.699.444	65.315.959.191
II. Nợ dài hạn	330		1.013.733.480.318	994.343.676.866
1. Phải trả dài hạn khác	333	25	288.028.610.187	263.178.841.310
2. Vay và nợ dài hạn	334	26	718.925.480.347	726.676.064.766
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.814.850.000	-
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		3.964.539.784	4.488.770.790
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		5.299.128.561.331	4.539.085.230.210
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	5.296.469.561.430	4.536.306.313.082
1. Vốn điều lệ	411		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		16.218.000	16.218.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.513.709.825.837	1.170.403.657.670
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		365.383.889.458	288.232.839.265
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.242.850.122	1.810.400.290
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.096.116.778.013	757.843.197.857
7. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		1.000.000.000	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.658.999.901	2.778.917.128
1. Nguồn kinh phí	432		480.000.000	390.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		2.178.999.901	2.388.917.128
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	28	922.880.341.070	877.266.512.010
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		9.332.655.650.258	8.067.583.690.905

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại
- Đô la Mỹ
- Euro

Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
USD	898.288	476.490
EUR	290.764	22.143

Phạm Thu Thủy
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	9.874.066.125.021	9.033.688.396.537
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	2.772.464.562.983	2.587.119.317.859
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	30	7.101.601.562.038	6.446.569.078.678
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	4.472.704.957.926	3.895.037.206.902
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.628.896.604.112	2.551.531.871.776
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	224.329.202.140	86.708.607.327
7. Chi phí tài chính	22	34	103.207.085.018	100.056.027.276
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		91.656.315.463	83.489.806.557
8. Chi phí bán hàng	24		989.812.916.938	913.608.245.538
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		368.582.416.396	401.027.298.422
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 =20+(21-22)-(24+25))	30		1.391.623.387.900	1.223.548.907.867
11. Thu nhập khác	31		70.206.851.633	59.604.349.998
12. Chi phí khác	32		45.808.659.682	34.242.496.010
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		24.398.191.951	25.361.853.988
14. Phần lãi trong công ty liên kết	45		26.929.654.222	7.621.777.283
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		1.442.951.234.073	1.256.532.539.138
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	341.425.862.856	431.182.955.349
17. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.003.550.126	(5.455.908.187)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.100.521.821.091	830.805.491.976
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		80.418.708.805	76.199.270.546
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		1.020.103.112.286	754.606.221.430
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36		3.255


 Phạm Thu Thủy
 Người lập


 Nguyễn Thị Ngọc Anh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Hồng Linh
 Tổng Giám đốc


Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.442.951.234.073	1.256.532.539.138
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	586.114.298.607	534.565.406.995
Các khoản dự phòng	03	419.632.523	117.489.246
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04	13.874.563.785	16.288.459.335
	05	(209.429.653.765)	(89.506.501.049)
Chi phí lãi vay	06	91.656.315.463	83.489.806.557
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.925.586.390.686	1.801.487.200.222
Thay đổi các khoản phải thu	09	184.443.275.785	385.613.074.513
Thay đổi hàng tồn kho	10	11.857.541.987	(79.161.826.410)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(214.872.229.740)	(149.330.611.372)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	5.909.891.198	27.284.842.529
Tiền lãi vay đã trả	13	(77.424.833.296)	(139.966.686.521)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(329.178.629.843)	(480.334.950.594)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	13.730.126.867	23.657.285.166
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(73.491.418.300)	(58.170.955.933)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.446.560.115.344	1.331.077.371.600
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(538.513.803.566)	(429.909.187.836)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.069.435.402	6.741.128.453
3. Tiền chi mua, chi cho vay công cụ nợ của đơn vị khác	23	(415.827.129.643)	(157.616.486.368)
4. Tiền thu cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	160.640.395.000	21.007.486.368
5. Tiền thu hồi/(chi) đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		352.658.944.000	(4.048.290.738)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	108.929.064.635	96.684.513.320
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(331.043.094.172)	(467.140.836.801)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.588.395.678.305	1.805.375.678.398
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.600.928.471.209)	(1.811.017.131.124)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(269.243.217.350)	(499.897.494.101)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(281.776.010.254)	(505.538.946.827)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	833.741.010.918	358.397.587.972
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.703.053.804.589	1.344.313.803.422
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(922.347.325)	342.413.195
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	2.535.872.468.182	1.703.053.804.589

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm bao gồm 8.810.252.840 VND, là số tiền đã ứng trước cho nhà cung cấp trong năm để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tổng Công ty đã chuyển 27 tỷ VND tiền cho vay Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà thành khoản vốn góp thêm vào công ty này để chuyển khoản đầu tư từ công ty liên kết với tỷ lệ sở hữu 32,69% thành công ty con với tỷ lệ sở hữu 53,89%. Vì vậy, dòng tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác và dòng tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm khoản tiền nói trên.

Thông tin về phát sinh thêm công ty con trong năm (xem Thuyết minh số 14)

	<u>31/12/2013</u>
	VND
- Tổng giá trị sở hữu trước khi mua thêm	22.400.000.000
- Tổng giá trị mua thêm	31.485.000.000
- Phần giá trị mua được thanh toán bằng tiền	4.485.000.000
- Số tiền thực có trong công ty con được mua	8.183.393.792
- Phần giá trị tài sản và công nợ không phải là tiền trong công ty con được mua	
Các khoản phải thu	14.735.796.325
Hàng tồn kho	16.653.527.484
Tài sản ngắn hạn và dài hạn khác	35.218.867.706
Tài sản cố định hữu hình	
Nguyên giá	253.600.163.783
Giá trị hao mòn lũy kế	(71.188.488.755)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	45.000.000
Các khoản vay	199.986.375.782
Các khoản phải trả khác	50.051.430.482
- Giá trị tài sản thuần của công ty con	<u>7.210.454.071</u>

Phạm Thu Thủy
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Anh
Kê toán trưởng



Nguyễn Hồng Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 ngày 16 tháng 6 năm 2008 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 03 số 0101376672 ngày 27 tháng 10 năm 2014.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4.389 người (31 tháng 12 năm 2013: 3.970 người).

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trực tiếp tại các công ty con sau:

Tên công ty con	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 31/12/2013	
	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng	65,01%	65,01%	65,01%	65,01%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	66,31%	66,31%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	68,95%	68,95%	68,95%	68,95%
Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội	54,29%	54,29%	54,29%	54,29%
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	52,64%	52,64%	52,64%	52,64%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	96,10%	96,10%	96,10%	96,10%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	98,56%	98,56%	98,56%	98,56%
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	66,69%	66,69%	66,69%	66,69%
Công ty Cổ phần Bao bì Habeco	60,69%	60,69%	60,69%	60,69%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà	53,89%	53,89%		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Kinh doanh các loại bia, rượu, cồn, nước giải khát; vật tư, nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng có liên quan đến ngành bia, rượu, nước giải khát, các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu, nước giải khát; các loại bao bì, nhãn hiệu cho ngành bia, rượu, nước giải khát;
- Dịch vụ tư vấn, đào tạo, nghiên cứu, chuyên giao công nghệ; thiết kế, chế tạo, xây lắp, lắp đặt thiết bị và công trình chuyên ngành bia, rượu, nước giải khát;
- Kinh doanh bất động sản: trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng, nhà ở cho thuê;
- Kinh doanh du lịch, nhà hàng, dịch vụ ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và phân phối các loại bia, rượu, nước giải khát.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty và phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 5 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014	2013
	Số năm	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 22	5 - 15
Máy móc, thiết bị	5 - 15	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8	3 - 8
Tài sản cố định khác	3 - 5	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy vi tính. Tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

	2014	2013
	Số năm	Số năm
Quyền sử dụng đất	48	48
Thương hiệu	4	5
Phần mềm máy tính	3 - 5	2 - 5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	2014
	Số tháng
Quyền sử dụng đất	577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa, khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí chai, kết chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa của Tổng Công ty được xác định và hạch toán theo Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư hướng dẫn số 146/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Giá trị lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty được tính theo phương pháp tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu chính phủ. Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 10 năm kể từ thời điểm cổ phần hóa.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 47 đến 50 năm.

Giá trị chai, kết chờ phân bổ được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan. Chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 2 năm kể từ ngày chai, kết được đưa vào sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	5.380.890.710	7.222.320.098
Tiền gửi ngân hàng	817.879.994.136	432.846.452.081
Tiền đang chuyển	112.167.000	-
Các khoản tương đương tiền (i)	1.712.499.416.336	1.262.985.032.410
	<u>2.535.872.468.182</u>	<u>1.703.053.804.589</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	409.905.221.011	157.616.486.368
Đầu tư ngắn hạn khác	29.898.000.000	27.000.000.000
	<u>439.803.221.011</u>	<u>184.616.486.368</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng cổ tức cho cổ đông Nhà nước	-	100.000.000.000
Phải thu tiền cược bao bì, vỏ chai	18.072.780.349	15.190.630.500
Chi phí liên quan đến di dời nhà máy	1.159.348.481	-
Thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt tạm nhập tái xuất	13.137.157.496	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	1.918.229.299	865.016.590
Các khoản phải thu khác	17.305.069.337	4.650.437.248
	<u>51.592.584.962</u>	<u>120.706.084.338</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	56.704.059.328	51.192.833.144
Nguyên liệu, vật liệu	399.540.974.580	368.435.670.466
Công cụ, dụng cụ	52.900.701.854	65.964.422.490
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	125.332.233.606	114.524.044.280
Thành phẩm	92.217.730.195	145.405.244.335
Hàng hóa	76.652.763.107	69.683.789.942
	<u>803.348.462.670</u>	<u>815.206.004.657</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(659.106.750)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>803.348.462.670</u>	<u>814.546.897.907</u>

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.521.911.810	1.074.852.688
Thuế nhập khẩu	779.533.911	588.470.691
Các loại thuế khác	1.487.615.487	1.265.784.696
	<u>3.789.061.208</u>	<u>2.929.108.075</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	1.456.777.111.745	5.789.615.082.738	138.194.641.791	77.539.962.783	5.714.459.249	7.467.841.258.306
Mua trong năm	47.329.385.073	180.254.651.354	24.896.102.634	5.730.727.544	-	258.210.866.605
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	66.034.646.211	269.530.709.923	-	7.084.377.591	-	342.649.733.725
Tăng do mua công ty con	51.562.869.793	198.217.132.034	3.384.068.140	436.093.816	-	253.600.163.783
Tăng khác	7.872.042.833	897.051.146	-	-	216.907.620	8.986.001.599
Thanh lý, nhượng bán	(1.323.754.300)	(7.182.315.316)	(7.027.634.210)	(1.688.922.798)	-	(17.222.626.624)
Giảm khác	(11.431.125.037)	(25.494.475.425)	-	(262.947.201)	-	(37.188.547.663)
Tại ngày 31/12/2014	1.616.821.176.318	6.405.837.836.454	159.447.178.355	88.839.291.735	5.931.366.869	8.276.876.849.731
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	554.024.213.856	2.746.858.735.590	81.954.267.835	54.006.584.900	4.475.713.675	3.441.319.515.856
Khấu hao trong năm	108.911.569.596	445.462.883.656	15.755.777.410	9.851.425.510	925.574.856	580.907.231.028
Tăng do mua công ty con	7.075.473.827	62.734.869.800	1.286.974.378	91.170.750	-	71.188.488.755
Tăng khác	-	80.324.734	-	-	49.595.929	129.920.663
Thanh lý, nhượng bán	(582.795.096)	(6.948.068.067)	(5.775.147.574)	(1.571.687.391)	-	(14.877.698.128)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(1.866.435.207)	-	-	(149.337.209)	-	(2.015.772.416)
Tại ngày 31/12/2014	667.562.026.976	3.248.188.745.713	93.221.872.049	62.228.156.560	5.450.884.460	4.076.651.685.758
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	949.259.149.342	3.157.649.090.741	66.225.306.306	26.611.135.175	480.482.409	4.200.225.163.973
Tại ngày 31/12/2013	902.752.897.889	3.042.756.347.148	56.240.373.956	23.533.377.883	1.238.745.574	4.026.521.742.450

Tổng Công ty và các công ty con đã thể chấp máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.283.804 triệu VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.237.924 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.291.562 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.207.000 triệu VND).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	18.643.348.180	463.209.803	31.723.729.588	50.830.287.571
Tăng trong năm	-	-	2.136.518.000	2.136.518.000
Phân loại lại từ chi phí trả trước	29.614.703.910	-	-	29.614.703.910
Tại ngày 31/12/2014	48.258.052.090	463.209.803	33.860.247.588	82.581.509.481
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	702.896.753	452.250.004	26.466.488.877	27.621.635.634
Khấu hao trong năm	143.288.920	10.959.799	4.405.638.422	4.559.887.141
Tăng khác	852.814	-	-	852.814
Tại ngày 31/12/2014	847.038.487	463.209.803	30.872.127.299	32.182.375.589
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	47.411.013.603	-	2.988.120.289	50.399.133.892
Tại ngày 31/12/2013	17.940.451.427	10.959.799	5.257.240.711	23.208.651.937

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư và di dời nhà máy sản xuất số 1 tại Hải Phòng	1.659.624.931	119.329.979.929
Nhà máy sản xuất bia tại Quảng Trị	-	25.120.114.155
Nhà máy Yên Phong, Bắc Ninh	16.555.688.705	15.309.130.142
Dây chuyền chiết lon	296.115.210.565	1.052.100.000
Xây dựng nhà kho thành phẩm tại Nghệ An	-	2.592.760.472
Xây dựng nhà kho cho thuê tại Quảng Bình	-	45.048.500
Dự án tổng kho, hồ chứa nước và cảnh quan	-	7.666.615.644
Dự án trang thiết bị văn phòng	-	2.894.078.400
Dự án khác	16.574.951.356	10.950.433.113
	330.905.475.557	184.960.260.355

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	23.259.481.464
Tăng khác	11.184.710.038
Tại ngày 31/12/2014	34.444.191.502
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	3.426.440.082
Khấu hao trong năm	647.180.438
Tăng khác	1.681.178.466
Tại ngày 31/12/2014	5.754.798.986
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	28.689.392.516
Tại ngày 31/12/2013	19.833.041.382

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trực tiếp như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tại ngày 31/12/2014			Tại ngày 31/12/2013		
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Số tiền đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Số tiền đầu tư VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Hà Nội Habeco	Hà Nội	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và thiết bị phụ tùng có liên quan.	100,00%	100,00%	50.000.000.000	100,00%	100,00%	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	Hải Dương	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu, nước uống không cồn.	55,00%	55,00%	30.631.673.095	55,00%	55,00%	30.631.673.095
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng	Hải Phòng	Sản xuất nước uống có cồn và không cồn: bia các loại, rượu, nước ngọt.	65,01%	65,01%	82.343.478.402	65,01%	65,01%	82.343.478.402
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định	Nam Định	Sản xuất, kinh doanh các loại bia, cồn, rượu và nước giải khát.	51,00%	51,00%	10.200.000.000	51,00%	51,00%	10.200.000.000
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	Thái Bình	Sản xuất bia hơi, bia chai các loại.	66,31%	66,31%	56.448.402.482	51,00%	51,00%	56.448.402.482
Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa	Thanh Hóa	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm rượu, bia và nguyên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng liên quan.	55,00%	55,00%	82.689.355.104	55,00%	55,00%	82.689.355.104
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình	Quảng Bình	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát.	51,00%	51,00%	20.036.357.755	51,00%	51,00%	20.036.357.755
Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Hải Phòng	Sản xuất, kinh doanh bao bì cho ngành bia, rượu, nước giải khát.	68,95%	68,95%	14.487.313.191	68,95%	68,95%	14.487.313.191
Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội	Hà Nội	Sản xuất cồn, rượu và các loại đồ uống có cồn, không cồn.	54,29%	54,29%	143.696.608.717	54,29%	54,29%	143.696.608.717
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và vật tư thiết bị nguyên vật liệu.	60,00%	60,00%	22.977.925.427	60,00%	60,00%	22.977.925.427

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN/HN****15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh như sau:

Tên công ty liên kết, liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 31/12/2013	
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ
Công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài	Hà Nội	Sản xuất kinh doanh bia các loại	28,00%	28,00%	28,00%	28,00%
Công ty Cổ phần Vận tải Habeco	Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, bốc xếp cơ giới và bốc xếp thủ công	28,00%	28,00%	28,00%	28,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Habeco	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	Hà Nội	Kinh doanh văn phòng, nhà ở	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà	Phú Thọ	Sản xuất kinh doanh bia hơi, bia chai, bia lon, nước giải khát các loại.	-	-	32,69%	32,69%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Vũng Tàu	Vũng Tàu	Sản xuất kinh doanh bia hơi, bia chai, bia lon, nước giải khát các loại.	-	-	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	Hưng Yên	Sản xuất kinh doanh bia hơi, bia chai, bia lon, nước giải khát các loại.	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
Công ty liên doanh						
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Hải Phòng	Sản xuất thủy tinh	27,21%	27,21%	27,21%	27,21%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)**

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết, liên doanh trong năm như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	329.987.642.186	344.445.068.496
Lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	26.929.654.222	7.621.777.283
Cổ tức được chia trong năm	(17.923.059.000)	(16.867.203.593)
Thay đổi trong kỳ do chuyển thành công ty con từ công ty liên kết	(12.553.860.733)	(5.212.000.000)
Thay đổi trong kỳ do thanh lý khoản đầu tư	(87.701.375.700)	-
Tăng khác	(770.138.122)	-
Số dư cuối năm	237.968.862.853	329.987.642.186

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tại Công ty mẹ - Tổng Công ty (*)	49.500.000.000	84.100.000.000
Công ty Cổ phần Sữa Việt Mỹ	-	7.600.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	32.500.000.000	32.500.000.000
Công ty Cổ phần Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực Miền Trung	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam	12.000.000.000	12.000.000.000
Cho vay dài hạn	-	27.000.000.000
Tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	2.615.694.383	2.615.694.383
Công ty TNHH Rượu vang và Rượu mạnh La Martiniquaise Việt Nam	2.615.694.383	2.615.694.383
Tại Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa	301.206.000	301.206.000
Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	301.206.000	301.206.000
	52.416.900.383	87.016.900.383

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN/HN****16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

(*) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác tại Công ty mẹ - Tổng Công ty như sau:

Đầu tư dài hạn khác	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 31/12/2013			
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Số tiền đầu tư VND	Số tiền đầu tư/ cho vay VND
Công ty Cổ phần Sữa Việt Mỹ	Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh sữa			15,34%	15,34%	7.600.000.000	
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	10,59%	10,59%	10,59%	10,59%	32.500.000.000	32.500.000.000
Công ty Cổ phần Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực Miền Trung (i)	Nghệ An	Kinh doanh bất động sản, giáo dục	4,31%	4,31%	10,00%	10,00%	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Sảnh sứ Thủy tinh Việt Nam	Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sành sứ	6,00%	6,00%	6,00%	6,00%	12.000.000.000	12.000.000.000
Cho vay dài hạn							<u>27.000.000.000</u>	<u>27.000.000.000</u>
							<u>49.500.000.000</u>	<u>84.100.000.000</u>

(i) Thay đổi tỷ lệ sở hữu do Công ty Cổ phần Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực Miền Trung thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

Thay đổi trong khoản dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.657.041.888	4.305.240.303
Hoàn nhập trong năm	(903.308.700)	(1.648.198.415)
Số dư cuối năm	<u>1.753.733.188</u>	<u>2.657.041.888</u>

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa	43.986.801.236	56.705.874.741
Chi phí chai, kết chờ phân bổ	72.674.823.747	63.648.452.254
Chi phí thuê đất trả trước	23.520.815.957	114.867.894.828
Công cụ, dụng cụ	89.708.597.643	20.744.396.309
Chi phí giải phóng mặt bằng	22.925.075.105	28.665.532.822
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.885.248.577	3.360.442.688
	<u>256.701.362.265</u>	<u>287.992.593.642</u>

19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời (*)	6.614.907.383	6.614.907.383
Trích từ lợi nhuận chưa thực hiện từ quá trình hợp nhất	11.457.581.057	7.810.556.917
	<u>18.072.488.440</u>	<u>14.425.464.300</u>

(*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với chênh lệch tạm thời phát sinh khi phân bổ lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa và chi phí thuê đất tại Phú Thọ.

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	18.799.083.511	25.065.444.682
Biến động do mua/bán các khoản đầu tư	12.220.903.723	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	(8.095.765.131)	(6.266.361.171)
Số dư cuối năm	<u>22.924.222.103</u>	<u>18.799.083.511</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	460.458.155.636	244.332.895.412
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	56.977.640.957	5.741.575.092
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	35.326.711.552	6.016.873.425
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10.044.537.336	24.973.962.458
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	134.725.396.864	31.402.601.963
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt	75.007.868.372	30.032.714.341
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	111.224.977.943	76.299.104.945
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	30.868.116.990
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Habeco Land	-	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	30.151.022.612	13.997.946.198
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	7.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	169.731.887.555	204.320.569.017
	<u>630.190.043.191</u>	<u>448.653.464.429</u>

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng đồng Việt Nam để bổ sung vốn lưu động của các công ty con. Các khoản vay này được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Lãi suất trong năm là từ 6,7%/năm đến 13%/năm. Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tín chấp	193.677.019.434	178.329.765.484
Bảo lãnh của bên thứ ba	125.055.739.338	36.059.138.417
Đảm bảo bằng tài sản của Tổng Công ty	141.725.396.864	29.943.991.511
	<u>460.458.155.636</u>	<u>244.332.895.412</u>

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	44.167.473.940	46.408.756.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp	126.473.536.961	113.255.845.191
Thuế tiêu thụ đặc biệt	326.485.461.058	325.994.861.130
Thuế thu nhập cá nhân	4.577.798.750	3.425.473.679
Tiền thuế đất	204.090.229	19.297.396.434
Các khoản nộp phạt	18.965.336.181	18.226.593.388
Các loại thuế khác	59.632.344	742.630.331
	<u>520.933.329.463</u>	<u>527.351.556.494</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí bán hàng	71.176.012.548	16.965.267.592
Chi phí lãi vay	27.264.750.136	13.033.267.969
Chi phí xây dựng cơ bản	5.006.427.274	6.643.790.000
Khác	19.960.596.676	4.336.440.934
	<u>123.407.786.634</u>	<u>40.978.766.495</u>

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	938.974.879	1.437.228.224
Kinh phí công đoàn	666.404.538	2.559.089.070
Bảo hiểm y tế	43.859.166	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	86.637.241.781	79.349.940.597
Phải trả Công ty Cổ phần Sữa Việt Mỹ	-	2.199.274.000
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	4.649.090.918	3.052.445.168
Khoản phạt thuế phải trả	23.288.319.560	-
Phải trả về cổ phần hóa	1.093.286.000	1.240.400.000
Phải trả lãi vay	6.025.345.020	-
Phải trả trợ cấp thôi việc	6.083.788.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.870.267.168	22.591.823.057
	<u>156.296.577.030</u>	<u>112.430.200.116</u>

(i) Phản ánh tiền nhận ký cược, ký quỹ chai kết với thời hạn dưới 12 tháng từ các đại lý.

25. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện tiền nhận ký cược, ký quỹ chai kết trên 12 tháng từ các đại lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	544.197.096.208	596.235.568.024
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	164.614.904.106	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	88.037.843.026	151.397.981.802
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.733.316.800	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	115.841.235.017
Ngân hàng TMCP Á Châu	86.386.207.762	67.521.848.940
UBND tỉnh Phú Thọ	2.688.000.000	-
	888.657.367.902	930.996.633.783
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày trên phần nợ ngắn hạn)	169.731.887.555	204.320.569.017
Vay và nợ dài hạn phải trả sau 12 tháng	718.925.480.347	726.676.064.766

Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng đồng Việt Nam và Euro để phục vụ cho việc đầu tư mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản của Tổng Công ty và các công ty con. Chi tiết số tiền vay theo đồng tiền giải ngân như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay bằng đồng Việt Nam (VND)	771.282.110.368	644.985.597.516
Vay bằng Euro (EUR)	117.375.257.534	286.011.036.267
	888.657.367.902	930.996.633.783

Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tín chấp	2.688.000.000	-
Bảo lãnh của bên thứ ba	454.215.432.162	360.563.003.512
Đảm bảo bằng tài sản của Tổng Công ty	431.753.935.740	570.433.630.271
	888.657.367.902	930.996.633.783

Các khoản vay của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Lãi suất trong năm là từ 6,5%/năm đến 12%/năm đối với đồng Việt Nam và 6,7%/năm đối với Euro.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn khác										Tổng cộng VND
	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND				
Số dư tại ngày 01/01/2013	2.318.000.000.000	16.218.000	790.049.694.400	212.480.980.537	439.600.000	854.471.157.296	-	-	-	4.175.457.650.233	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	754.606.221.430	-	-	-	754.606.221.430	
Phân phối lợi nhuận	-	-	380.353.963.270	75.751.858.728	3.825.052.090	(459.930.874.088)	-	-	-	-	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(44.233.106.152)	-	-	-	(44.233.106.152)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(347.700.000.000)	-	-	-	(347.700.000.000)	
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(2.454.251.800)	-	-	-	-	(2.454.251.800)	
Khác	-	-	-	-	-	629.799.371	-	-	-	629.799.371	
Số dư tại ngày 01/01/2014	2.318.000.000.000	16.218.000	1.170.403.657.670	288.232.839.265	1.810.400.290	757.843.197.857	-	-	-	4.536.306.313.082	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.020.103.112.286	-	-	-	1.020.103.112.286	
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	344.020.572.706	83.909.454.842	3.796.050.430	(431.726.077.978)	-	-	-	-	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	(36.353.855.304)	-	-	-	(36.353.855.304)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(370.880.000.000)	-	-	-	(370.880.000.000)	
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(5.858.667.965)	(3.170.045.846)	-	-	-	-	(9.028.713.811)	
Thay đổi khác	-	-	(714.404.539)	(899.736.684)	(193.554.752)	2.825.275.362	1.000.000.000	-	-	2.017.579.387	
Tặng do mua công ty con	-	-	-	-	-	(12.993.498.510)	-	-	-	(12.993.498.510)	
Tặng do thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	167.298.624.300	-	-	-	167.298.624.300	
Số dư tại ngày 31/12/2014	2.318.000.000.000	16.218.000	1.513.709.825.837	365.383.889.458	2.242.850.122	1.096.116.778.013	1.000.000.000	-	-	5.296.469.561.430	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

- (i) Trong đó, Công ty mẹ - Tổng Công ty phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2013 theo số liệu đã được phê duyệt tại Nghị quyết ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014. Theo đó, Tổng Công ty trích bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ An sinh xã hội (Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu) với các số tiền tương ứng là 299.795.319.341 VND, 78.357.692.481 VND và 3.500.000.000 VND.
- (ii) Trong đó, Công ty mẹ - Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã tạm trích năm 2013 theo số liệu đã được phê duyệt tại Nghị quyết ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 với số tiền 36.353.855.304 VND.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.318.000.000.000 VND. Chi tiết vốn đầu tư của các cổ đông như sau:

	Tại ngày 31/12/2014 và ngày 31/12/2013		
	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp (VND)
Cổ đông Nhà nước	189.592.400	81,79	1.895.924.000.000
Carlsberg Breweries A/S	39.597.700	17,08	395.977.000.000
Công ty TNHH Carlsberg Đông Dương	347.700	0,15	3.477.000.000
Các cổ đông khác	2.262.200	0,98	22.622.000.000
	231.800.000	100	2.318.000.000.000

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 231.800.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	231.800.000	231.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	231.800.000	231.800.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	231.800.000	231.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	231.800.000	231.800.000

Cổ tức

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 ngày 28 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty đã công bố cổ tức chi trả từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 với số tiền là 370.880.000.000 VND (tương đương với 1.600 VND/cổ phần).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	448.925.520.000	402.810.520.000
Vốn khác thuộc chủ sở hữu	15.582.000	15.582.000
Thặng dư vốn cổ phần	6.346.549.311	6.346.549.311
Quỹ đầu tư phát triển	399.851.202.039	376.568.625.665
Quỹ dự phòng tài chính	23.453.626.254	24.946.486.348
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	413.968.401	236.008.089
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	43.873.893.065	66.342.740.597
	<u>922.880.341.070</u>	<u>877.266.512.010</u>

Biến động lợi ích cổ đông thiểu số trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	877.266.512.010	854.584.711.215
Tăng do cổ đông thiểu số góp vốn vào công ty con	-	16.043.651.987
Tăng/giảm do Tổng Công ty góp vốn vào công ty con	17.844.408.645	(9.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	80.418.708.805	76.199.270.546
Phân bổ cho quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.881.993.076)	(7.920.383.091)
Chia cổ tức trong năm	(46.464.236.400)	(52.795.551.800)
Biến động khác	(1.303.058.914)	154.813.153
Số dư cuối năm	<u>922.880.341.070</u>	<u>877.266.512.010</u>

29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các mặt hàng rượu, bia, nước giải khát và thực phẩm; các hoạt động liên quan đến cung cấp sản phẩm và dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc sản xuất và kinh doanh sản phẩm chính bia rượu. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đều liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các dịch vụ phụ trợ nêu trên. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất và kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 30 và số 31.

Tổng Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam từ miền Bắc đến miền Trung Việt Nam như Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị và Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, Tổng Công ty không có khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. DOANH THU**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.874.066.125.021	9.033.688.396.537
Doanh thu bán hàng	9.791.094.901.479	8.960.075.455.232
Doanh thu dịch vụ	82.971.223.542	73.612.941.305
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.772.464.562.983	2.587.119.317.859
Chiết khấu thương mại	5.660.413.155	10.789.324.503
Hàng bán bị trả lại	9.617.448.906	1.180.581.920
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.757.186.700.922	2.575.149.411.436
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.101.601.562.038	6.446.569.078.678

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	4.470.056.514.095	3.889.673.150.961
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.648.443.831	5.364.055.941
	4.472.704.957.926	3.895.037.206.902

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.143.878.329.167	3.560.565.668.648
Chi phí nhân công	445.215.357.194	434.384.294.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	583.693.961.348	534.565.406.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	543.445.476.891	222.169.421.251
Chi phí khác	1.045.170.467.922	447.803.626.956
	5.761.403.592.522	5.199.488.417.991

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	109.011.258.344	78.198.745.545
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.845.754.873	377.596.004
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.952.216.460	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	877.059.450	971.019.000
Lãi từ bán các khoản đầu tư	90.060.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.582.913.013	7.161.246.778
	224.329.202.140	86.708.607.327

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	91.656.315.463	83.489.806.557
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.480.857.880)	(1.648.198.415)
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.256.231.823	1.773.323.077
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	16.381.218.792
Lãi bán hàng trả góp	11.774.997.277	59.877.265
Chi phí tài chính khác	398.335	-
	<u>103.207.085.018</u>	<u>100.056.027.276</u>

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.442.951.234.073	1.256.532.539.138
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i>	<u>341.425.862.856</u>	<u>431.182.955.349</u>

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo do được thành lập mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong năm năm tiếp theo căn cứ theo ưu đãi trên Giấy chứng nhận Đầu tư được cấp lần đầu ngày 06 tháng 8 năm 2007.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% cho các năm 2014, 2015 và giảm xuống còn 20% từ năm 2016.

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ (VND)	1.020.103.112.286	754.606.221.430
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	231.800.000	231.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>4.401</u>	<u>3.255</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***37. CAM KẾT CHI TIÊU VỐN**

	Tổng mức đầu tư VND	Số tiền thanh toán	Cam kết đầu tư còn thực hiện VND
		lũy kế đến ngày 31/12/2014 VND	
Dây chuyền chiết lon	414.066.000.000	205.972.982.878	208.093.017.122
Trung tâm giới thiệu sản phẩm Vân Cơ	47.742.585.000	1.990.349.000	45.752.236.000
Dây chuyền chiết keg	78.882.000.000	9.039.262.642	69.842.737.358
Hệ thống phòng thí nghiệm, sản xuất bia thử nghiệm, viện nghiên cứu	170.221.000.000	375.542.800	169.845.457.200
Dự án xây dựng khu nhà kho	5.852.985.000	5.454.596.631	398.388.369
Đầu tư nâng cao năng suất nhà máy bia Habeco Hải Phòng	5.936.832.016	5.812.088.755	124.743.261
Xây dựng nhà máy bia 50 triệu lít/năm	446.252.542.992	444.595.492.734	1.657.050.258
Di dời khu vực sản xuất	755.000.000.000	636.307.088.800	118.692.911.200
Dự án đầu tư sản xuất rượu Benmore	23.900.000.000	20.292.911.200	3.607.088.800
Hạng mục dây chuyền chiết keg công suất 2.000 chai/h	6.897.267.000	691.029.300	6.206.237.700
Dự án thiết bị lọc rượu	3.400.000.000	-	3.400.000.000
Dự án đầu tư hệ thống lò hơi đốt than công suất 10 tấn hơi/giờ	13.296.642.781	3.981.120.909	9.315.521.872
Xây dựng nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị	294.731.400.000	214.541.253.100	80.190.146.900
Dự án nhà máy sản xuất bao bì Habeco	183.429.819.000	57.864.439.018	125.565.379.982
Dự án đầu tư nâng công suất hệ thống tank lên men	18.381.154.707	5.082.090.898	13.299.063.809
	2.467.990.228.496	1.612.000.248.665	855.989.979.831

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh 26 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	1.349.115.523.538	1.175.329.529.195
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.535.872.468.182	1.703.053.804.589
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	5.296.469.561.430	4.536.306.313.082
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.535.872.468.182	1.703.053.804.589
Phải thu khách hàng và phải thu khác	283.059.312.196	127.889.639.074
Các khoản đầu tư tài chính	489.563.079.506	268.976.344.863
Tổng cộng	3.308.494.859.884	2.099.919.788.526
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.349.115.523.538	1.175.329.529.195
Phải trả người bán và phải trả khác	643.043.641.674	459.009.805.553
Chi phí phải trả	123.407.786.634	40.978.766.495
Tổng cộng	2.115.566.951.846	1.675.318.101.243

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	19.195.093.761	16.005.151.066	9.639.262.151	17.378.844.111
Euro (EUR)	7.555.492.054	675.921.370	224.036.768.375	287.611.230.062

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam thay đổi 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá.

Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 5% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty trong kỳ này sẽ (tăng)/giảm còn trong kỳ trước sẽ giảm/(tăng) các khoản tương ứng như bảng dưới.

Nếu tỷ giá đồng Euro so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 5% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty trong kỳ này và kỳ trước sẽ giảm/(tăng) các khoản tương ứng như bảng dưới.

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	477.791.581	(68.684.652)
Euro (EUR)	(10.824.063.816)	(14.346.765.435)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các khoản phải thu khách hàng chủ yếu đến từ các bên liên quan như đã trình bày tại Thuyết minh số 39 và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá có chất lượng tín dụng cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	<u>Trong vòng 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.535.872.468.182	-	2.535.872.468.182
Phải thu khách hàng và phải thu khác	283.059.312.196	-	283.059.312.196
Các khoản đầu tư tài chính	489.563.079.506	-	489.563.079.506
	<u>3.308.494.859.884</u>	-	<u>3.308.494.859.884</u>
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	630.190.043.191	718.925.480.347	1.349.115.523.538
Phải trả người bán và phải trả khác	643.043.641.674	-	643.043.641.674
Chi phí phải trả	123.407.786.634	-	123.407.786.634
	<u>1.396.641.471.499</u>	<u>718.925.480.347</u>	<u>2.115.566.951.846</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>1.911.853.388.385</u>	<u>(718.925.480.347)</u>	<u>1.192.927.908.038</u>
31/12/2013	<u>Trong vòng 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.703.053.804.589	-	1.703.053.804.589
Phải thu khách hàng và phải thu khác	127.889.639.074	-	127.889.639.074
Các khoản đầu tư tài chính	241.976.344.863	27.000.000.000	268.976.344.863
	<u>2.072.919.788.526</u>	<u>27.000.000.000</u>	<u>2.099.919.788.526</u>
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	448.653.464.429	726.676.064.766	1.175.329.529.195
Phải trả người bán và phải trả khác	195.830.964.243	263.178.841.310	459.009.805.553
Chi phí phải trả	40.978.766.495	-	40.978.766.495
	<u>685.463.195.167</u>	<u>989.854.906.076</u>	<u>1.675.318.101.243</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>1.387.456.593.359</u>	<u>(962.854.906.076)</u>	<u>424.601.687.283</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải Habeco	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Habeco	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Công ty liên doanh

Theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 24.300.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Vũng Tàu do Tổng Công ty nắm giữ cho Công ty Carlsberg Breweries A/S. Theo đó, Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Vũng Tàu không còn là bên liên quan của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 08/NQ.HĐQT-HABECO ngày 18 tháng 10 năm 2013 và Quyết định số 96/QĐ.HĐQT-HABECO ngày 11 tháng 12 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua việc tăng vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà, dẫn đến việc tăng tỷ lệ sở hữu từ 32,69% lên 53,89% và chuyển từ công ty liên kết sang công ty con thuộc Tổng Công ty.

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài		
- Mua thành phẩm	62.025.508.800	67.173.978.000
- Bán nguyên vật liệu	10.628.938.310	12.426.711.628
- Lãi cho vay	-	3.019.513.889
- Cho vay ngắn hạn	-	27.000.000.000
- Nhận cổ tức	560.000.000	-
- Phí bản quyền	1.506.796.726	1.105.270.028
- Hỗ trợ chi phí phát triển thương hiệu	503.016.688	157.520.000
Công ty Cổ phần Vận tải Habeco		
- Cung cấp dịch vụ	864.000.000	612.000.000
- Nhận cổ tức	1.750.000.000	1.820.000.000
- Cước vận tải	125.954.727.118	115.344.221.497
Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại		
- Nhận cổ tức	2.028.288.000	8.873.760.000
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng		
- Mua nguyên vật liệu	106.644.781.380	76.599.766.685
- Bán phế liệu	1.329.732.000	1.936.946.400
- Nhận cổ tức	12.324.771.000	8.978.310.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89		
- Mua thành phẩm	12.252.046.800	15.608.735.023
- Bán nguyên vật liệu	25.730.200	20.335.200
- Bán thành phẩm	11.669.260.525	4.430.184.200
- Hỗ trợ chi phí bán hàng	427.931.779	284.378.075
- Nhận cổ tức	1.260.000.000	1.050.000.000
- Phí bản quyền	2.011.727.119	1.437.512.299

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài	6.980.908.974	4.617.468.600
Công ty Cổ phần Vận tải Habeco	9.168.390	
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	461.699.140	1.418.602.460
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	28.956.577	-
Phải trả cho người bán		
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài	2.342.038.181	1.578.505.500
Công ty Cổ phần Vận tải Habeco	20.832.948.708	9.706.227.387
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	17.609.933.544	8.961.891.011

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	3.238.844.306	3.901.914.000

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

Phạm Thu Thủy
Người lập

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Linh
Tổng Giám đốc